

**KỶ THI CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
(CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)**

**Khoá ngày: 11/11/ 2018
DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
Ca thi 1-Phòng máy 1: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
1	1CB01	Phạm Thị Huỳnh	Ái	22/06/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
2	1CB02	Dương Quế	Anh	28/09/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
3	1CB03	Hoàng Minh	Anh	03/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
4	1CB04	Lê Minh	Châu	04/07/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
5	1CB05	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	21/07/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
6	1CB06	Phạm Thị Hồng	Châu	19/04/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
7	1CB07	Dương Trình Hạnh	Duyên	03/07/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
8	1CB08	Nguyễn Văn	Dự	31/07/2001	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
9	1CB09	Võ Thị Thùy	Dương	12/07/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
10	1CB10	Bùi Thị Hồng	Đài	12/09/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
11	1CB11	Nguyễn Huỳnh Hải	Đăng	06/06/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
12	1CB12	Mai Thị Ngọc	Gám	14/03/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
13	1CB13	Nguyễn Thị	Giang	02/02/1982	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
14	1CB14	Nguyễn Thị Thu	Giang	23/12/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
15	1CB15	Lê Thị Thu	Hà	01/01/1979	Hà Nam	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
16	1CB16	Lê Thị Mỹ	Hằng	16/04/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
17	1CB17	Nguyễn Thị Minh	Hằng	27/09/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
18	1CB18	Lâm Trí	Hiếu	24/08/1987	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
19	1CB19	Nguyễn Thu	Hoa	05/05/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
20	1CB20	Phan Thị Ngọc	Huyền	09/11/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
21	1CB21	Tô Kim	Hương	18/04/1998	Tây Ninh	Nữ	Hoa	7:00	P.Máy 1
22	1CB22	Trương Anh	Kiệt	21/06/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
23	1CB23	Trịnh Văn	Khải	01/07/1967	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
24	1CB24	Đặng Nguyên	Khoa	20/09/1994	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 1
25	1CB25	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	13/02/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
26	1CB26	Đặng Thị Mỹ	Liên	01/02/1981	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
27	1CB27	Nguyễn Huỳnh	Liên	11/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
28	1CB28	Đoàn Gia	Linh	30/04/1992	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
29	1CB29	Lê Thị Trúc	Linh	09/12/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
30	1CB30	Phan Thị Mỹ	Linh	02/09/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 1
Ca thi 1-Phòng máy 2: 7 giờ 00 - Cơ Bản									
31	1CB31	Diệp Hoàng	Linh	28/01/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
32	1CB32	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	01/03/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
33	1CB33	Dương Huỳnh Thùy	Linh	23/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
34	1CB34	Nguyễn Thị	Loan	04/04/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
35	1CB35	Lê Nguyễn	Lộc	12/08/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
36	1CB36	Lê Thị Ngọc	Lợi	18/08/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
37	1CB37	Ngô Thị Thảo	Ly	17/09/2000	TP.HCM	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
38	1CB38	Trần Thị Trúc	Mai	19/08/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
39	1CB39	Phạm Hà Trúc	Mai	04/02/1997	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
40	1CB40	Trương Thị Ngọc	Mai	29/03/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
41	1CB41	Nguyễn Hồng	Mơ	10/05/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
42	1CB42	Phan Thị Bích	Nga	25/12/1980	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
43	1CB43	Nguyễn Thị	Nga	04/08/1985	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
44	1CB44	Quách Lê Thu	Nga	18/06/1987	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
45	1CB45	Hà Thị Ánh	Ngọc	07/05/1984	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
46	1CB46	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	03/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
47	1CB47	Phạm Thị Yên	Nhi	17/11/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
48	1CB48	Lê Thị Yên	Nhi	04/04/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
49	1CB49	Trần Thị Ngọc	Nhi	03/07/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
50	1CB50	Nguyễn Lê Thị Yên	Nhi	28/02/1992	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
51	1CB51	Nguyễn Quỳnh	Như	01/08/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
52	1CB52	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	24/07/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
53	1CB53	Trương Tiểu	Phụng	13/01/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
54	1CB54	Võ Thị Thanh	Phương	24/07/1986	Bến Tre	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
55	1CB55	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	19/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
56	1CB56	Hồ Tiến	Sĩ	28/08/1980	Quảng Bình	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
57	1CB57	Lê Hồng	Son	02/10/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	7:00	P.Máy 2
58	1CB58	Bùi Thị Thanh	Tuyền	04/10/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
59	1CB59	Đặng Kim	Tuyền	26/07/1988	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2
60	1CB60	Trần Thị Kim	Thắm	26/07/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	7:00	P.Máy 2

Ca thi 2-Phòng máy 1:

9 giờ 30 – Cơ Bản

61	2CB01	Nguyễn Thế	Anh	01/07/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
62	2CB02	Đặng Tuấn	Anh	24/04/1982	Hà Nội	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
63	2CB03	Nguyễn Tuấn	Anh	17/08/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
64	2CB04	Phạm Văn	Bách	12/12/1983	Hải Dương	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
65	2CB05	Lâm Văn	Bình	13/10/1975	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
66	2CB06	Nguyễn Thành	Công	16/10/1986	Nam Định	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
67	2CB07	Trịnh Quang	Chung	17/07/1985	Thái Nguyên	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
68	2CB08	Nguyễn Văn	Chưa	20/06/1966	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
69	2CB09	Trần Văn	Danh	09/05/1976	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
70	2CB10	Nguyễn Lê Hùng	Dũng	24/10/1979	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
71	2CB11	Đàm Tiến	Dũng	23/05/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
72	2CB12	Lê Đăng	Duy	17/12/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
73	2CB13	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/08/1978	Long An	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
74	2CB14	Dương Tân	Đạt	09/02/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
75	2CB15	Nguyễn Ngọc	Điệp	15/06/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
76	2CB16	Nguyễn Duy	Đông	16/11/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
77	2CB17	Phan Văn	Đông	10/10/1987	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
78	2CB18	Trần Phú	Đông	01/01/1979	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
79	2CB19	Kiều Minh	Gấm	28/02/1990	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
80	2CB20	Nguyễn Hồng	Giang	04/08/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
81	2CB21	Nguyễn Thanh	Hà	22/10/1984	Thái Bình	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
82	2CB22	Trương Thanh	Hải	17/04/1973	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
83	2CB23	Nguyễn Quốc	Hải	09/03/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
84	2CB24	Lương Ngọc	Hải	18/09/2023	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
85	2CB25	Nguyễn Thị Đỗ	Hạnh	20/12/1981	Bình Dương	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
86	2CB26	Lê Thị	Hạnh	11/03/2000	Tiền Giang	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 1
87	2CB27	Lê Bá	Hân	05/02/1985	Đắk Lắk	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
88	2CB28	Nguyễn Văn Hải	Hậu	23/09/1981	Nam Định	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
89	2CB29	Huỳnh Thanh	Hiền	02/10/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1
90	2CB30	Nguyễn Thanh	Hiền	20/12/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 1

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
Ca thi 2-Phòng máy 2: 9 giờ 30 – Cơ Bản									
91	2CB31	Lưu Công	Hiếu	20/03/1987	Đồng Nai	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
92	2CB32	Nguyễn Thị	Hồng	26/06/1976	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
93	2CB33	Nguyễn Trọng	Huân	02/06/1972	Hà Nội	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
94	2CB34	Trần Quốc	Hùng	10/11/1978	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
95	2CB35	Võ Mỹ	Linh	12/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
96	2CB36	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/09/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
97	2CB37	Nguyễn Thị hồng	Ngọc	24/10/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
98	2CB38	Võ Khánh	Như	03/06/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
99	2CB39	Nguyễn Thị Kim	Quyên	01/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
100	2CB40	Võ Thị Thanh	Tuyền	03/02/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
101	2CB41	Võ Thị hồng	Thắm	01/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
102	2CB42	Nguyễn Thị Khả	Thi	24/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
103	2CB43	Nguyễn Thị Tô	Thiên	23/04/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
104	2CB44	Lương Thị Mĩ	Thuận	19/07/1994	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
105	2CB45	Võ Anh	Thư	18/10/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
106	2CB46	Nguyễn thị Hoài	Thương	04/08/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
107	2CB47	Hồ Thị Xuân	Trà	01/01/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
108	2CB48	Võ Trần Phương	Trâm	22/07/1989	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
109	2CB49	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	13/09/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
110	2CB50	Ngô Thị Huyền	Trân	05/06/1998	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
111	2CB51	Vương Đình	Trí	12/11/2000	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
112	2CB52	Đỗ Thị Lan	Trình	05/09/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
113	2CB53	Tô Thị Trương	Vi	08/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
114	2CB54	Tô Trung	Vĩ	08/10/1976	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
115	2CB55	Hồ Thanh	Vũ	10/07/1990	Tây Ninh	Nam	Kinh	9:30	P.Máy 2
116	2CB56	Lê Thị Ngọc	Vy	05/02/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
117	2CB57	TrầnThị Thúy	Vy	07/06/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
118	2CB58	Bùi Mỹ Lệ	Xuân	03/02/1989	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
119	2CB59	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	28/08/1995	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
Ca thi 2-Phòng máy 2: 9 giờ 30 – Nâng Cao									
120	2NC01	Trần Thu	Ngọc	06/09/2005	Tây Ninh	Nữ	Kinh	9:30	P.Máy 2
Ca thi 3-Phòng máy 1: 13 giờ 00 – Cơ Bản									
121	3CB01	Lê Tiến Tấn	Hùng	07/10/1980	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
122	3CB02	Võ Minh	Huy	16/08/1987	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
123	3CB03	Đình Quốc	Hung	06/02/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
124	3CB04	Phan Quốc	Hung	02/07/1978	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
125	3CB05	Lê Hoàng	Kiểm	01/07/1986	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
126	3CB06	Nguyễn Đức	Kiên	05/09/1987	Nghệ An	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
127	3CB07	Lý Thành	Kim	01/08/1980	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
128	3CB08	Phạm Nguyễn Mai	Khanh	28/02/1981	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
129	3CB09	Nguyễn Trọng	Khôi	19/11/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
130	3CB10	Lê Hoàng	Khúc	16/10/1975	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
131	3CB11	Lê Quang	Luận	11/04/1984	Thanh Hóa	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
132	3CB12	Phạm Văn	Lực	20/08/1984	Hải Dương	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
133	3CB13	Lê Tấn	Lượng	29/01/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
134	3CB14	Trần Văn	Minh	03/08/1984	Nam Định	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
135	3CB15	Nguyễn Hoàng	Minh	22/08/1980	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
136	3CB16	Vũ Tấn	Ninh	10/03/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1

Stt	Sbd	Họ, chữ lót	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới Tính	Dân Tộc	Ghi chú (giờ thi –Phòng máy)	
137	3CB17	Nguyễn Thị Tố	Nguyên	28/02/1986	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
138	3CB18	Huỳnh Thị Ánh	Nguyệt	15/07/1974	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
139	3CB19	Phan Thanh	Nhàn	01/07/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
140	3CB20	Đặng Hoài	Nhân	09/10/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
141	3CB21	Ngô Thị Thanh	Nhi	23/11/1982	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
142	3CB22	Trần Thị Hồng	Nhung	06/05/1979	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
143	3CB23	Tạ Minh	Phong	13/02/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
144	3CB24	Trương Thê	Quang	31/05/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
145	3CB25	Hà Minh	Quý	14/12/1992	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
146	3CB26	Bùi Văn	Quốc	11/04/1986	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
147	3CB27	Trần Bảo	Quốc	12/07/1989	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
148	3CB28	Trương Nguyên Lê	Quyên	15/04/1980	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
149	3CB29	Đào Thị Thúy	Sang	08/11/1990	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 1
150	3CB30	Trần Thanh	Sang	23/06/1978	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 1
Ca thi 3-Phòng máy 2:					13 giờ 00 – Cơ Bản				
151	3CB31	Lê Tấn	Tài	26/05/1969	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
152	3CB32	Đình Minh	Tâm	23/02/1976	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
153	3CB33	Ngô Phương	Tâm	27/07/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
154	3CB34	Võ Văn	Tấn	17/07/1976	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
155	3CB35	Nguyễn Tấn	Toàn	13/04/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
156	3CB36	Nguyễn Quốc	Tuân	15/05/1988	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
157	3CB37	Trần Anh	Tuân	28/07/1983	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
158	3CB38	Trần Minh	Tuân	10/10/1980	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
159	3CB39	Võ Quốc	Tuyên	27/09/1980	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
160	3CB40	Võ Văn	Thanh	29/05/1976	Long An	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
161	3CB41	Nguyễn Tấn	Thành	14/02/1984	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
162	3CB42	Phạm Ngô Việt	Thành	27/09/1997	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
163	3CB43	Phạm Thị	Thảo	20/12/1972	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
164	3CB44	Nguyễn Văn	Thắng	17/06/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
165	3CB45	Nguyễn Trường	Thọ	02/05/1985	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
166	3CB46	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	21/11/1979	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
167	3CB47	Đặng Thị Thùy	Trang	27/08/1975	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
168	3CB48	Võ Thị Bích	Trâm	18/10/1985	Tây Ninh	Nữ	Kinh	13:00	P.Máy 2
169	3CB49	Nguyễn Minh	Trí	02/03/1990	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
170	3CB50	Trần Minh	Trí	12/08/1982	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
171	3CB51	Hoàng Bảo	Trung	09/12/1984	Thanh Hóa	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
172	3CB52	Trương Minh	Trường	29/03/1974	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
173	3CB53	Ngô Tấn	Văn	27/10/1986	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
174	3CB54	Đoàn Quốc	Việt	18/10/1975	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
175	3CB55	Thiệu Văn	Việt	08/02/1981	Đồng Tháp	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
176	3CB56	Trần Nhất	Vinh	13/07/1977	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2
177	3CB57	Phạm Văn	Vinh	30/03/1979	Tây Ninh	Nam	Kinh	13:00	P.Máy 2

Danh sách có 177 thí sinh đủ điều kiện dự thi
Trong đó có 176 thí cơ bản và 01 thí nâng cao

TP Tây Ninh, ngày 06 tháng 11 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Trần Lệ Uyên